TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 228/2018/HS-ST
Ngày: 03-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hàn Hòa Thuận
2. Ông Trần Văn Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 279/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2589/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

N, sinh ngày 23 tháng 2 năm 1981 tại A; Thường trú: 860/27 khu phố 3, B, phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 1102 B, phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên giúp việc nhà; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: E và bà: F; Có chồng và 03 con, lớn nhất sinh năm: 2002, nhỏ nhất sinh năm: 2012; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16/11/2017, tạm giam từ ngày 22/11/2017 đến nay (Có mặt).

Bị hại:
Ông G, sinh năm: 1978, và bà Li-Feng, sinh năm: 1977, quốc tịch: Trung Quốc.
Nơi cư trú: nhà số 1A-18 Mỹ Giang 2, phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà T1, sinh năm: 1984;

Chỗ ở: 16/9 Ấp 2, xã H, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N là nhân viên của công ty "Jupviec.VN" được phân công giúp việc tại nhà số 1A-18 Mỹ Giang 2, phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh cho gia đình Ông G (quốc tịch: Trung Quốc) từ đầu tháng 8/2017. Khoảng 08 giờ sáng hàng ngày, N đến nhà Ông G để dọn dẹp nhà cửa đến 11 giờ 30 phút thì nghỉ. Trong thời gian làm việc tại nhà Ông G, N đã trộm cắp tài sản của gia đình Ông G nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Khoảng giữa tháng 9/2017, khi đang dọn dẹp trong phòng ngủ của con trai Ông G ở lầu 1, N mở tủ bàn học ra lau chùi thì phát hiện thấy trong tủ có một chiếc bóp da (ví), N mở ra thấy trong bóp có nhiều tiền nên N rút một xấp tiền mệnh giá 100.000 đồng và 200.000 đồng, cất giấu vào túi quần. Khi hết giờ làm việc, N đi về và lấy số tiền trên ra đếm được 4.000.000 đồng, số tiền trên N tiêu xài cá nhân.

Lần 2: Khoảng một tuần sau đó, N tiếp tục vào phòng ngủ con trai Ông G dọn dẹp, mở ngăn bàn ra lấy trong ví một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng, cất giấu vào trong người. Khi hết giờ làm việc, N đi về và lấy số tiền trên ra đếm được 3.000.000 đồng, số tiền trên N tiêu xài cá nhân.

Lần 3: Khoảng đầu tháng 10/2017, N đến làm việc thì Ông G đi ra ngoài, N tiếp tục vào phòng ngủ ở lầu 1 mở tủ quần áo tìm tài sản; N phát hiện thấy một chiếc hộp gỗ bên trong có 01 sợi dây chuyền bằng vàng (khoảng 20gam), N lấy bỏ vào túi quần và tiếp tục mở chiếc Vali để bên cạnh phát hiện thấy nhiều tài sản gồm: 01 đồng xu bằng vàng (khoảng 35gam); 01 mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng (khoảng 12gam); 01 mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng (khoảng 20gam); 01 hình con hươu bằng vàng (khoảng 14gam); 01 mặt dây chuyền hình trái tim bằng vàng (khoảng 06gam). Sau đó, N lấy tất cả số tài sản trên bỏ vào túi quần, khi hết giờ làm việc, N đi đến tiệm vàng Tân Kim Hiếu, địa chỉ số: 52 Tân Mỹ, phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh bán một số tài sản gồm: 01 đồng xu bằng vàng; 01 mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng; 01 hình con hưu bằng vàng; 01 mặt dây chuyền hình trái tim bằng vàng với giá 48.500.000 đồng. Đến 19 giờ cùng ngày, N tiếp tục mang sợi dây chuyền bằng vàng và 01 mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng còn lại đến tiệm vàng Kim Phát Minh Khôi, địa chỉ số: 27 O, phường V, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh bán với giá 7.000.000 đồng. Sau đó, N mua 01 xe Môtô Honda hiệu Vision biển số 59Z1-226.30 với giá 31.000.000 đồng, mua 03 điện thoại di động và 01 tủ lạnh hiệu Sanyo với giá 17.500.000 đồng, số tiền còn lại N tiêu xài cá nhân.

Lần 4: Khoảng đầu tháng 11 năm 2017, N đến làm việc thì gia đình Ông Gđi ra ngoài, N tiếp tục đi vào phòng bên phải lầu 1 lấy được số tiền 1.900 USD và 3.900 nhân dân tệ cất giấu trong túi quần, khi hết giờ làm việc, N đem số ngoại tệ trên đến tiệm vàng Tân Kim Hiếu đổi được số tiền 56.800.000 đồng cất giữ tiêu xài cá nhân

Ngày 03/11/2017, Ông G, phát hiện tài sản bị mất trộm nên hỏi N thì N thừa nhận đã lấy tiền, vàng và ngoại tệ của Ông G và đem số tiền 59.000.000 đồng trả lại cho ông G. Do N không trả hết số tài sản đã lấy cắp được nên đến ngày 15/11/2017, Ông G, đến Công an phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh trình báo sự việc trên.

Tại Cơ quan điều tra, N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Tổng số tài sản bị can N lấy cắp trong 04 lần gồm tiền, vàng và ngoại tệ đem đi bán tổng cộng được số tiền: 118.384.967 đồng (một trăm mười tám triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Số vàng bị can N lấy cắp đem bán cho tiệm vàng Kim Phát Minh Khôi, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được nên Hội đồng giám định tố tụng không giám định được.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với biên bản nhận dạng, biên bản lấy lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Theo kết quả giám định số 08/KL-HĐĐGTTHS ngày 03/01/2018 định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 7, kết luận:

+ 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K nặng khoảng 20gam, 01 đồng tiền bằng vàng 24K trọng lượng khoảng 35gam, 01 mặt dây chuyền hình trái tim bằng vàng 24K trọng lượng 06gam, 01 con tùy hưu bằng vàng 24K trọng lượng khoảng 20gam, 01 mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng 24K trọng lượng khoảng 20gam, do tài sản không thu hồi được, chưa có kết quả giám định của cơ quan có thẩm quyền về lĩnh vực kim khí quý nên Hội đồng không thể định giá theo quy định;

+ 01 mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng 24K, trọng lượng 1,02 chỉ, tính đến thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là: 1,02 x 3.570.000 đồng/chỉ = 3.641.400 đồng (ba triệu sáu trăm bốn mươi mốt ngàn bốn trăm đồng) (bút lục: 135).

- Theo Công văn số 509/HCM-QLNHV ngày 08/3/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trả lời về việc cung cấp thông tin tỷ giá ngoại tệ như sau:

+ Tỷ giá Trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ áp dụng cho ngày 01/11/2017 là 1USD = 22.468 VND (Hai mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng Việt Nam).

+ Tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với Đồng Nhân dân tệ vào ngày 01/11/2017 là 1 CNY = 3.383,53 VND (bút lục: 137).

Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) xe mô tô Vison, màu xanh, biển số: 59Z1-226.30;số máy: JF58E0219103, số khung: RLHJF5806EY218991; 01 (một) điện thoại di động Samsung J200 số Imei: 354741/07/417221/5; 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen số Imei: 357328087797969; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, không rõ số Imei; 01 (một) tủ lạnh hiệu SanYo màu trắng. (Đồ vật, tài sản trên do N dùng số tiền trộm cắp mua để sử dụng)

+ 01 (một) mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng 24K nặng 1,02 chỉ, là tài sản của Ông G bị N trộm cắp. Cơ quan điều tra đã thu hồi được và hoàn trả lại cho bị hại;

+ Số tiền 900.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do ông R (chủ tiệm vàng Tân Kim Hiếu) giao nộp. Cơ quan điều tra đã nộp số tiền trên vào tài khoản của Cơ quan điều tra tại Kho bạc nhà nước Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra, Ông G tiếp tục yêu cầu N trả lại số tài sản còn lại mà N đã trộm cắp của ông.

Bà T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo đã mang xe Vision của bị cáo đến cầm tại tiệm của bà.

Các chủ tiệm vàng không có yêu cầu gì.

Tại Bản cáo trạng số: 181/CT-VKS-P2 ngày 04/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo N về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị: Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo N từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Ông G và bà H2 vắng mặt, có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 55.740.000 đồng là số tiền còn lại sau khi trừ đi tài sản là mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng giá 3.641.400 đồng và số tiền 59.000.000 đồng mà bị cáo đã trả lại cho bị hại. Ngoài ra, bị hại còn có nguyện vọng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Vào khoảng tháng 09/2017, lợi dụng sơ hở của gia đình bị hại là Ông G và bà H2, bị cáo N (là người được thuê giúp việc nhà) đã 04 lần thực hiện hành vi lén lút lục lọi đồ đạc, nơi có tài sản trong nhà bị hại và lấy đi số tài sản trị giá 118.384.967 đồng (Theo Kết quả giám định số 08/KL-HĐĐGTTHS ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận 7, Công văn số 509/HCM-QLNHV ngày 08/3/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. Hồ Chí Minh). Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo N đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" mà tài sản bị trộm cắp có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại nên áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự

năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi hành vi đều thể hiện đầy đủ yếu tố cấu thành của tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại số tiền 59.000.000 đồng và 01 mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng cho bị hại. Bị hại Ông G và bà H2 vắng mặt, có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 55.740.000 đồng là số tiền còn lại sau khi trừ đi tài sản là mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng giá 3.641.400 đồng và số tiền 59.000.000 đồng mà bị cáo đã trả lại cho bị hại. Ngoài ra, bị hại còn có nguyện vọng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét yêu cầu của bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền như trên.

Đối với yêu cầu bồi thường của Bà T tại cơ quan điều tra bà yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo đã mang chiếc xe Vision biển số: 59Z1-226.30 của bị cáo đến cầm tại tiệm của bà nhưng ngoài hợp đồng mua bán chiếc xe trên (hợp đồng này được công chứng tại văn phòng công chứng toàn cầu) thể hiện bà Dung bán xe cho bị cáo N với giá 2.000.000 đồng thì bà không cung cấp được giấy tờ tài liệu nào khác. Tại phiên tòa hôm nay, bà Dung vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy đây là một quan hệ giao dịch dân sự giữa các bên do đó phần yêu cầu bồi thường của bà Dung sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) mặt dây chuyền hình con chuột bằng vàng 24K nặng 1,02 chỉ, là tài sản của Ông G bị N trộm cắp. Cơ quan điều tra đã thu hồi được và hoàn trả lại cho bị hại do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tài sản gồm: 01 (một) xe hai bánh gắn máy màu xanh, hiệu Honda Vison, biển số: 59Z1-226.30; số máy: JF58E0219103 (ghi theo số cà), số khung: RLHJF5806EY218991 (ghi theo số cà), không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra; 03 điện thoại di động đã qua sử dụng không rõ tình trạng sử dụng gồm: 01 (một) điện thoại di động Samsung J200 số Imei: 354741/07/417221/5 (bể màn hình); 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen số Imei: 357328087797969; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, không rõ số Imei; 01 (một) tủ lạnh hiệu SanYo màu trắng (hư cũ, máy móc bên trong không kiểm tra) là đồ vật, tài sản do bị cáo N dùng số tiền trộm cắp mua để sử dụng do đó cần tiếp tục tạm giữ số đồ vật, tài sản trên để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 900.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do ông R(chủ tiệm vàng Tân Kim Hiếu) giao nộp cho Cơ quan điều tra.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm e, khoản 2, Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Tuyên bố bị cáo N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Buộc bị cáo N bồi thường cho người bị hại Ông G và bà H2 số tiền 55.740.000 đồng (Năm mươi triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 phần yêu cầu bồi thường của bà Dung sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 900.000 đồng do ông R (chủ tiệm vàng Tân Kim Hiếu) giao nộp cho Cơ quan điều tra (Giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc nhà nước ngày 08/3/2018 BL 144).

Tiếp tục tạm giữ số đồ vật, tài sản đã thu giữ của bị cáo N bao gồm: 01 (một) xe hai bánh gắn máy màu xanh, hiệu Honda Vison, biển số: 59Z1-226.30; số máy: JF58E0219103 (ghi theo số cà), số khung: RLHJF5806EY218991 (ghi theo số cà), không gương, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra; 03 điện thoại di động đã qua sử dụng không rõ tình trạng sử dụng gồm: 01 (một) điện thoại di động Samsung J200 số Imei: 354741/07/417221/5 (bể màn hình); 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen số Imei: 357328087797969; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, không rõ số Imei; 01 (một) tủ lạnh hiệu SanYo màu trắng (hư cũ, máy móc bên trong không kiểm tra) để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo đối với bị hại. (Biên bản giao nhận tang tài vật số 205/18 ngày 10/5/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo N phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.787.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người liên quan; (1)
- Người bị hại; (2)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VŨ VĂN LỆ